

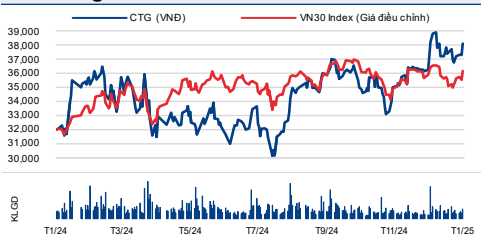
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ45,300
Tiềm năng tăng/giảm: 19.2%

Giá cổ phiếu (đồng) (24/1/2025)	38,000
Mã Bloomberg	CTG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	30,150-38,900
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	37,600
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	204,060
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	8,137
Sig CP lưu hành (tr.đv)	5,370
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,611
Sig CP NN được mua (tr.đv)	176
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	26.7%
Tỷ lệ freefloat	15.8%
Cổ đông lớn	NHNN Việt Nam (64.5%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
Tổng tài sản (ntđ)	2,033	2,283	2,555
Dư nợ cho vay (ntđ)	1,473	1,680	1,881
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	70.5	81.1	91.4
Lợi nhuận thuần (ntđ)	19.9	22.4	28.5
BVPS (đồng)	23,279	26,848	31,616
EPS (đồng)	3,706	4,175	5,299
DPS (đồng)	-	-	-
T.trưởng cho vay KH (%)	15.6	14.0	12.0
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	10.0	15.0	12.6
Tăng trưởng EPS (%)	17.6	12.6	26.9
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-
ROAE (%)	17.1	16.7	18.1
ROAA (%)	1.04	1.04	1.18
Tỷ lệ NIM (%)	2.91	2.99	3.04
Tỷ lệ CIR (%)	29.0	29.7	29.6
Hệ số CAR (%)	9.31	9.59	9.99
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.13	1.50	1.30
LLR/nợ xấu (%)	167	143	157
Hệ số LDR (%)	104	106	105
P/B (lần)	1.63	1.42	1.20
P/E (lần)	10.3	9.10	7.17
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Vietinbank là ngân hàng vốn nhà nước lớn thứ ba về quy mô dư nợ cho vay.

Chuyên viên phân tích

Phạm Liên Hà, CFA
Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

LNTT Q4 tăng 61% nhờ chi phí dự phòng giảm; kết quả vượt kì vọng

- CTG công bố KQKD Q4/2024 rất tích cực với LNTT tăng 61% đạt 12,25 nghìn tỷ đồng, vượt đáng kể dự báo của HSC nhờ chi phí hoạt động và chi phí dự phòng thấp hơn kì vọng. Lũy kế cả năm 2024, LNTT đạt 31,8 nghìn tỷ đồng, tăng 27% và hoàn thành 113% dự báo cả năm của chúng tôi.
- Các điểm nổi bật trong Q4 bao gồm tín dụng tăng trưởng mạnh đạt 16,8% kể từ đầu năm (tăng 7,2% so với quý trước), tỷ lệ NIM ổn định ở mức 2,91% (giảm 2 điểm cơ bản so với quý trước) và chất lượng tài sản cải thiện, với tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 1,25% và tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR tăng lên 171%, so với 1,45% và 153% vào cuối Q3/2024.
- HSC duy trì khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: KQKD Q4/2024

CTG đã ghi nhận KQKD Q4/2024 ấn tượng và vượt kì vọng với LNTT đạt 12,25 nghìn tỷ đồng, tăng 61,4%, nhờ tổng thu nhập hoạt động vượt dự báo 3,8% và chi phí được kiểm soát chặt chẽ hơn, với chi phí hoạt động thấp hơn 19% so với dự báo và chi phí dự phòng thấp hơn 34% so với dự báo của chúng tôi.

LNTT cả năm 2024 đạt 31,76 nghìn tỷ đồng, tăng 27% và hoàn thành 113% dự báo của chúng tôi, vượt xa kì vọng.

Tín dụng tăng trưởng mạnh 7,2% so với quý trước và 16,8% kể từ đầu năm

Tín dụng của CTG tăng tốc trong Q4/2024, tăng 7,2% so với quý trước và 16,8% kể từ đầu năm. Trong Q4, tăng trưởng đến từ phân khúc khách hàng cá nhân (tăng 9% so với quý trước và tăng 22% kể từ đầu năm), tiếp theo là phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn (tăng 6,4% so với quý trước và tăng 13,7% kể từ đầu năm) và khách hàng FDI (tăng 5,8% so với quý trước và tăng 25,4% kể từ đầu năm).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 3/2.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q4/2024 & cả năm 2024, CTG

(Tỷ đồng)	Q4/23	Q4/24	% so với cùng kỳ	2023	2024	Tăng trưởng	% dự báo của HSC
Thu nhập lãi thuần	14,446	16,312	13%	52,957	62,403	18%	101%
Thu nhập ngoài lãi	3,919	4,973	27%	17,591	19,506	11%	100%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	1,514	1,240	-18%	7,114	6,706	-6%	88%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	763	1,051	38%	4,248	4,190	-1%	110%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	(75)	22	N/a	139	(240)	N/a	80%
Thu nhập khác	1,595	2,631	65%	5,803	8,459	46%	106%
Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	121	29	-76%	287	391	36%	91%
Tổng thu nhập HĐ	18,365	21,285	16%	70,548	81,909	16%	101%
Chi phí HĐ	(6,304)	(6,576)	4%	(20,443)	(22,552)	10%	94%
Lợi nhuận HĐ trước trích lập dự phòng	12,061	14,710	22%	50,105	59,357	18%	104%
Dự phòng	(4,473)	(2,464)	-45%	(25,115)	(27,599)	10%	96%
LNTT	7,588	12,245	61%	24,990	31,758	27%	113%
Lợi nhuận thuần	6,031	9,792	62%	19,875	25,295	27%	113%

Nguồn: CTG, HSC

Đối với nguồn vốn huy động, tổng tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá tăng 6,6% so với quý trước và tăng 15,2% kể từ đầu năm trong Q4/2024. Trong đó, tiền gửi khách hàng giữ vững đà tăng ổn định (tăng 5,9% so với quý trước và tăng 13,8% kể từ đầu năm) trong khi giấy tờ có giá chủ yếu tăng mạnh trong 6 tháng cuối năm 2024 (tăng 15,1% so với quý trước và tăng 31,5% kể từ đầu năm trong Q4). Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn tăng lên 24,8% từ 23,1% tại thời điểm cuối Q3. Với tốc độ tăng trưởng tín dụng vượt huy động, hệ số LDR điều chỉnh tăng nhẹ lên 98,2%.

Ngoài ra, tiền gửi từ Kho bạc Nhà nước tăng mạnh 122% so với quý trước. Xu hướng tương tự cũng được ghi nhận tại các ngân hàng quốc doanh khác, cho thấy sự hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống ngân hàng trong Q4/2024 trong bối cảnh áp lực đồng VND mất giá và tín dụng tăng tốc nhanh khiến cho thanh khoản hệ thống nói chung thắt chặt hơn.

Tỷ lệ NIM ổn định ở mức 2,91%

Tỷ lệ NIM của CTG duy trì ổn định trong Q4/2024, gần như không đổi ở mức 2,91% (giảm 2 điểm cơ bản so với quý trước), trong đó lợi suất gộp và chi phí huy động giảm lần lượt 3 và 1 điểm cơ bản so với quý trước.

Xét cả năm 2024, tỷ lệ NIM cũng giữ ổn định ở mức 2,97%, trong đó lợi suất gộp và chi phí huy động giảm lần lượt 146 điểm cơ bản và 151 điểm cơ bản so với cùng kỳ.

Kết hợp với tăng trưởng tín dụng cao 16,8%, thu nhập lãi thuần tăng trưởng mạnh 12,9% so với cùng kỳ trong Q4 và tăng trưởng 18% trong cả năm 2024, vượt trội so với các ngân hàng quốc doanh khác và phù hợp với dự báo của chúng tôi.

Thu nhập ngoài lãi tăng mạnh nhờ HĐ kinh doanh ngoại hối & thu hồi nợ xấu

Thu nhập ngoài lãi ghi nhận mức tăng trưởng mạnh, tăng 27% so với cùng kỳ trong Q4, chủ yếu nhờ vào lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối (đạt 1 nghìn tỷ đồng, tăng 38% so với cùng kỳ) và thu nhập khác (đạt 2,6 nghìn tỷ đồng, tăng 65% so với cùng kỳ), chủ yếu từ thu hồi nợ xấu, đều vượt kì vọng. Tuy nhiên, các mảng kinh doanh khác kém tích cực hơn, trong đó lãi thuần HĐ dịch vụ giảm 18% so với cùng kỳ và lãi mua bán trái phiếu không đáng kể.

Tính chung cả năm 2024, tổng thu nhập ngoài lãi tăng 11%, đạt 100% dự báo của chúng tôi, mặc dù lãi thuần HĐ dịch vụ không đạt kì vọng trong khi lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối và thu nhập khác vượt dự báo.

Chất lượng tài sản cải thiện đáng kể

Chất lượng tài sản của CTG được cải thiện trong Q4 với tổng nợ xấu giảm 1,75 nghìn tỷ đồng (giảm 7,5% so với quý trước) xuống còn 21,5 nghìn tỷ đồng. Sự cải thiện này đến từ (1) nợ xấu mới hình thành âm (với nợ xấu trước xử lý giảm 0,4 nghìn tỷ đồng) và (2) xử lý nợ xấu bằng 1,3 nghìn tỷ đồng dự phòng. Từ đó, tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 1,25%, từ 1,45% tại thời điểm cuối Q3. Tỷ lệ nợ nhóm 2 cũng giảm xuống 1,32% từ 1,44% cuối Q3/2024.

Đáng chú ý, cả tỷ lệ hình thành nợ xấu mới và tỷ lệ xóa sổ nợ xấu (tính theo % tổng dư nợ bình quân) trong Q4/2024 đều thấp hơn đáng kể so với bình quân 8 quý trước lần lượt ở mức 0,58% và 0,54%, cho thấy chất lượng tài sản đã được cải thiện và ổn định - đây cũng là xu hướng được chúng tôi quan sát từ Q3/2024.

Chi phí dự phòng giảm 45% so với cùng kỳ và giảm 73% so với quý trước trong Q4, sau khi Ngân hàng đã tích cực trích lập dự phòng trong 9 tháng đầu năm 2024. Kết quả là, chi phí dự phòng cả năm 2024 đạt 96% dự báo cả năm 2024 của chúng tôi và tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR tăng lên 171% từ 114% vào Q2/2024 và 153% vào Q3/2024. Nhìn chung, chúng tôi đã kì vọng trích lập dự phòng sẽ giảm đáng kể trong Q4 và Ngân hàng đã đạt kết quả tốt hơn mong đợi.

HSC duy trì khuyến nghị và giá mục tiêu

Cổ phiếu đã tăng 9% trong 3 tháng qua và hiện đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2025 là 1,2 lần, so với bình quân 1,84 lần của nhóm ngân hàng quốc doanh và 1,06 lần của nhóm NHTM tư nhân. HSC duy trì khuyến nghị và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Thu nhập lãi	105	133	124	143	166
Chi phí lãi	(56.9)	(79.7)	(62.8)	(72.9)	(85.7)
Thu nhập lãi thuần	47.8	53.0	61.6	70.3	80.0
Lãi thuần HĐ dịch vụ	5.86	7.11	7.60	8.51	9.77
Lãi thuần HĐ KDNH	3.56	4.25	3.82	4.01	4.22
Lãi/lỗ từ mua bán CK	(0.14)	0.14	(0.30)	0.15	0.15
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.51	0.29	0.43	0.45	0.48
Thu nhập khác	6.54	5.80	8.01	8.01	8.41
Tổng thu nhập HĐ	64.1	70.5	81.1	91.4	103
Chi phí HĐ	(19.2)	(20.4)	(24.1)	(27.1)	(30.0)
LN trước dự phòng	44.9	50.1	57.1	64.3	73.0
Chi phí dự phòng	(23.8)	(25.1)	(28.9)	(28.6)	(28.9)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	21.1	25.0	28.2	35.8	44.0
Chi phí thuế TNDN	(4.15)	(4.94)	(5.64)	(7.15)	(8.81)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.06)	(0.14)	(0.15)	(0.16)	(0.16)
Lợi nhuận thuần	16.9	19.9	22.4	28.5	35.1
EPS (đồng)	3,152	3,706	4,175	5,299	6,529
DPS (đồng)	-	-	-	-	-
Slg CP bình quân (triệu đv)	5,370	5,370	5,370	5,370	5,370
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	5,370	5,370	5,370	5,370	5,370
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	5,370	5,370	5,370	5,370	5,370

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	11.1	9.76	14.9	18.1	18.9
Tiền gửi tại NHNN	29.7	40.6	47.4	53.6	60.5
Tiền gửi tại các TCTD khác	242	280	294	323	356
Chứng khoán kinh doanh	1.41	2.49	1.86	1.88	1.91
Các công cụ tài chính phái sinh	3.06	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	1,245	1,446	1,643	1,843	2,064
Tổng dư nợ cho vay	1,275	1,473	1,680	1,881	2,107
Dự phòng rủi ro	(29.4)	(27.8)	(36.1)	(38.4)	(43.1)
Chứng khoán đầu tư	180	181	203	227	254
CK đầu tư sẵn sàng để bán	179	181	202	227	254
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	1.70	0.86	0.86	0.86	0.86
Dự phòng rủi ro	(0.07)	(0.25)	(0.19)	(0.16)	(0.14)
Đầu tư dài hạn	3.52	3.43	3.30	3.30	3.30
Tài sản cố định	10.2	10.1	9.98	9.85	9.71
Tài sản khác	81.7	59.6	65.6	75.4	88.2
Tổng tài sản	1,809	2,033	2,283	2,555	2,856
Nợ phải trả	1,700	1,907	2,138	2,384	2,653
Tiền gửi của NHNN	105	21.8	22.9	24.1	25.3
Tiền gửi của các TCTD khác	209	304	341	361	376
Tổng tiền gửi KH	1,249	1,411	1,580	1,786	2,018
Trái phiếu và CCTG	91.4	115	133	146	161
Nợ khác	45.7	53.8	61.5	67.4	74.0
Vốn chủ sở hữu	108	125	144	170	202
Vốn điều lệ	48.1	53.7	53.7	53.7	53.7
Thặng dư vốn cổ phần	8.97	8.97	8.97	8.97	8.97
Lợi nhuận giữ lại	33.5	42.4	58.9	80.4	107
Quỹ & vốn khác của CSH	17.0	20.0	22.6	26.7	31.8
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.74	0.86	1.01	1.16	1.33
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	1,809	2,033	2,283	2,555	2,856
BVPS (đồng)	20,033	23,279	26,848	31,616	37,562

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	18.1	12.4	12.3	11.9	11.8
Tăng trưởng cho vay KH (%)	12.8	15.6	14.0	12.0	12.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	7.52	12.9	12.0	13.0	13.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	9.31	13.9	12.2	12.8	12.8
Tăng trưởng VCSH (%)	15.7	16.2	15.3	17.8	18.8
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	14.4	10.8	16.3	14.1	13.8
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	11.7	6.51	17.7	12.4	10.9
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	24.9	11.5	13.9	12.7	13.4
Tăng trưởng LNTT (%)	20.1	18.3	12.9	26.8	23.1
Tăng trưởng LN thuần (%)	20.1	17.6	12.6	26.9	23.2

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	3.84	3.67	3.76	3.78	3.81
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.15)	(1.06)	(1.12)	(1.12)	(1.11)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	94.5	94.7	95.4	95.4	95.3
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.55	2.86	3.23	3.56	3.94
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	15.2	17.8	20.1	25.5	31.4

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	12.1	10.3	9.10	7.17	5.82
P/B (lần)	1.90	1.63	1.42	1.20	1.01
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-	-	-

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	26.4	28.2	27.6	31.1	34.0
ROAA (%)	1.01	1.04	1.04	1.18	1.30
ROAE (%)	16.9	17.1	16.7	18.1	18.9
Chi phí huy động BQ (%)	3.73	4.55	3.20	3.32	3.50
Lợi suất góp BQ (%)	6.63	7.30	6.04	6.20	6.43
Lợi suất thuần (%)	2.90	2.75	2.84	2.88	2.92
Tỷ lệ NIM (%)	3.03	2.91	2.99	3.04	3.10
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	9.14	10.1	9.36	9.31	9.48
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	74.5	75.1	75.9	76.9	77.7
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	25.5	24.9	24.1	23.1	22.3
Tỷ lệ CIR (%)	29.9	29.0	29.7	29.6	29.1
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-	-	-

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	8.98	9.31	9.59	9.99	10.5
VCSH/Tổng TS (%)	5.95	6.15	6.31	6.64	7.06
Đòn bẩy vốn (lần)	16.8	16.3	15.8	15.1	14.2

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.24	1.13	1.50	1.30	1.30
Hệ số LLR (%)	186	167	143	157	157

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	102	104	106	105	104
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	13.5	16.6	16.6	15.8	14.7
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	70.5	72.5	73.6	73.6	73.8

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	1,116	1,116	1,116	1,116	1,116
Số lượng nhân viên	25,119	24,642	25,135	25,638	26,150

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn